



CÔNG TY TNHH CALOFIC

CALOFIC CORPORATION

Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Tel.: (+84-203) 3846993 Fax: (+84-203) 3845971

Ngày/ Date : 15/05/2025
Số chứng nhận/ CoA code : 15052025-42

**RE: KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Tên mẫu/ Name of sample : PHU GIA THỰC PHẨM GLYXERIN TINH KHIẾT 99,7% -WILFARIN
Ngày đóng gói/ Package Date " : 06/05/2025
Ngày sản xuất/ Pro. Date " : 11/04/2025
Hạn sử dụng/ Exp. Date " : 10/04/2027
Đóng gói/ Package size " : IN DRUM 250 KGS NET WEIGHT EACH
Tình trạng mẫu/ Sample description : Transparent, colorless. Viscous liquid at room temperature

The following is quality of product/ Sau đây là chất lượng lô hàng :

Chỉ tiêu kiểm nghiệm Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp Test method	Kết quả Result
Màu (ml FeCl ₃)* Color (ml FeCl ₃)	-	USP- NF :2024	<0.4
Hàm lượng Glycerine* Glycerine content	%	USP- NF :2024	99.88
Độ ẩm Moisture	%	Ref. USP 43:2020 (921)	0.072
Hàm lượng chloride* Chloride content	mg/kg	USP- NF :2024	<10
Tro sulfate* Sulphate content	mg/kg	USP- NF :2024	<20
A xít béo & Este Fatty acids & esters	ml NaOH 0.5N/50g	Ref. USP 43:2020 (P.1968)	0.30
Tỷ trọng* Specific gravity		USP- NF :2024	1.2614
Tạp chất Impurity	(%)	Ref. USP 43:2020 (P.1967)	KPH

(") Thông tin được cung cấp bởi bộ phận QC & PH/ Information is provided by QC & PH

(*) Kết quả kiểm tra của nhà sản xuất/ Reference Certificate of Quality from the manufacturer

For and on behalf of

CALOFIC CORPORATION



BUI HOA BINH
DEPUTY QA/LAB MANAGER

H2CHEM
14H- 08500

HLB-LAB-R01.38.02



CÔNG TY TNHH CALOFIC

CALOFIC CORPORATION

Khu vực Cảng Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
Tel.: (+84-203) 3846993 Fax: (+84-203) 3845971

Ngày/ Date : 15/05/2025
Số chứng nhận/ CoA code : 15052025-43

**RE: KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Tên mẫu/ Name of sample : **PHU GIA THỰC PHẨM GLYXERIN TINH KHIẾT 99.7% -WILFARIN**
Ngày đóng gói/ Package Date " : 07/05/2025
Ngày sản xuất/ Pro. Date " : 11/04/2025
Hạn sử dụng/ Exp. Date " : 10/04/2027
Đóng gói/ Package size " : IN DRUM 250 KGS NET WEIGHT EACH
Tình trạng mẫu/ Sample description : Transparent, colorless. Viscous liquid at room temperature
The following is quality of product/ Sau đây là chất lượng lô hàng :

Chỉ tiêu kiểm nghiệm Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp Test method	Kết quả Result
Màu (ml FeCl ₃)* Color (ml FeCl ₃)	-	USP- NF :2024	<0.4
Hàm lượng Glycerine* Glycerine content	%	USP- NF :2024	99.88
Độ ẩm Moisture	%	Ref. USP 43:2020 (921)	0.075
Hàm lượng chloride* Chloride content	mg/kg	USP- NF :2024	<10
Tro sulfate* Sulphate content	mg/kg	USP- NF :2024	<20
A xít béo & Este Fatty acids & esters	ml NaOH 0.5N/50g	Ref. USP 43:2020 (P.1968)	0.30
Tỷ trọng* Specific gravity		USP- NF :2024	1.2614
Tạp chất Impurity	(%)	Ref. USP 43:2020 (P.1967)	KPH

(") Thông tin được cung cấp bởi bộ phận QC & PH/ Information is provided by QC & PH

(*) Kết quả kiểm tra của nhà sản xuất/ Reference Certificate of Quality from the manufacturer

For and on behalf of
CALOFIC CORPORATION



BUI HOA BINH
DEPUTY QA/LAB MANAGER

H2CHEM
14H- 08500

HLB-LAB-R01.38.02